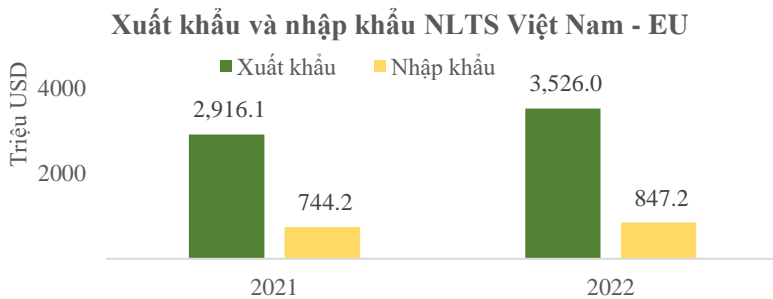


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



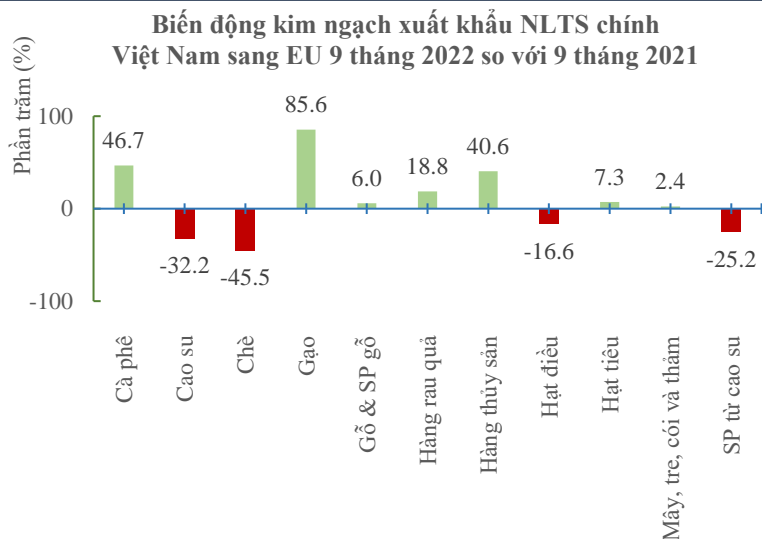
TÌNH HÌNH CHUNG



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - EU

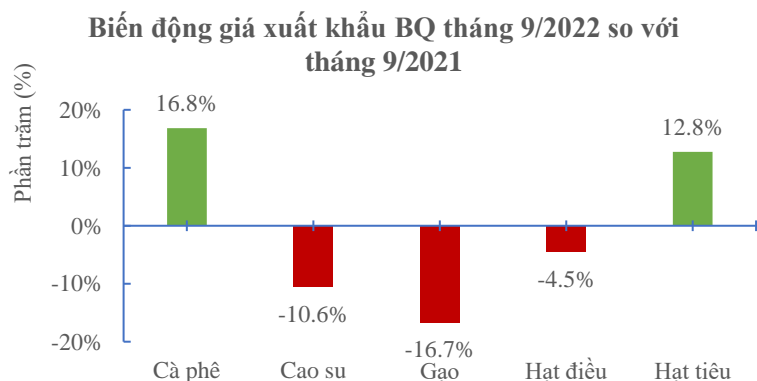
(9 tháng 2021 và 9 tháng 2022)

Xuất khẩu ▲ 20,9%
Nhập khẩu ▲ 13,8%



So sánh 9 tháng năm 2022 với 9 tháng năm 2021

Cà phê ▲ 46,7%
Cao su ▼ 32,2%
Chè ▼ 45,5%
Gạo ▲ 85,6%
Gỗ và SP Gỗ ▲ 6,0%
Rau quả ▲ 18,8%
Thủy sản ▲ 40,6%
Hạt điều ▼ 16,6%
Hạt tiêu ▲ 7,3%
Mây tre đan ▲ 2,4%
SP từ cao su ▼ 25,2%



So sánh giá xuất khẩu tháng 9/2022 với tháng 9/2021

Cà phê ▲ 16,8%
Cao su ▼ 10,6%
Gạo ▼ 16,7%
Hạt điều ▼ 4,5%
Hạt tiêu ▲ 12,8%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo Cơ quan thống kê Liên minh châu Âu (Eurostat), lạm phát tháng 10 ở châu Âu đạt kỷ lục mới ở mức 10,7%, tăng so với mức 9,9% của tháng 9 trước đó. Với mức tăng 10,7%, đây là tốc độ nhanh nhất kể từ năm 1997. Eurostat cho biết giá năng lượng trong tháng 10 cao hơn 41,9% so với cùng kỳ 2021, trong khi giá thực phẩm tăng 13,1%. Lạm phát cốt lõi - không bao gồm nhiên liệu - cũng tăng lên 5%, từ mức 4,8% trong tháng 9. Tại từng nước thành viên, có 11 trên 19 nước ghi nhận lạm phát ở mức hai con số, cao nhất là Estonia (22,4%), Lithuania (22%) và Latvia (21,8%). Ba nước lạm phát thấp nhất là Pháp (7,1%), Tây Ban Nha (7,3%) và Malta (7,5%). Nền kinh tế lớn nhất châu Âu là Đức ghi nhận lạm phát tháng 10 là 11,6%, tăng nhanh nhất kể từ tháng 12/1951.

Giá tiêu dùng tại châu Âu bắt đầu tăng mạnh kể từ khi chiến sự Ukraine nổ ra, với việc Moskva siết dần nguồn cung cấp khí đốt trong bối cảnh châu Âu ra sức cấm vận Nga. Đến giữa tháng 9, khi đốt Nga đã giảm 80% so với đầu năm. Châu Âu đã phải tìm kiếm nguồn cung cấp khí đốt ở nơi khác và phải trả giá cao hơn nhiều. Trong khi mức dự trữ hiện cao và giá khí đốt trên thị trường thế giới đã giảm từ mức đỉnh, chi phí năng lượng mà các hộ gia đình phải trả vẫn còn cao hơn nhiều so với năm ngoái. Tình hình cũng tương tự với giá thực phẩm. Kết quả của những áp lực này, lạm phát trong eurozone đã vượt qua Mỹ. Một số quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề bởi chi phí năng lượng tăng đang dự định cho phép tăng lương, điều có thể dẫn đến vòng xoáy lạm phát.

Lạm phát tăng mạnh đang nhấn mạnh những thách thức mà các nhà hoạch định chính sách của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) phải đối mặt khi ngày càng có nguy cơ suy thoái trong khu vực đồng euro. Vào cuối tháng 10, ECB đã tăng lãi suất cơ bản lên 1,5%, từ mức 0,75%. Giới đầu tư gần đây nhận ra dấu hiệu cho thấy các ngân hàng trung ương như FED sẽ xoay trục khỏi các đợt tăng lãi suất lớn, dẫn đến động thái tương tự của ECB. Tuy nhiên, số liệu lạm phát mới công bố làm tăng quan ngại về kỳ vọng đó.

Triển vọng giảm phát những tháng tới tại châu Âu phụ thuộc vào sự sẵn có của nguồn cung cấp khí đốt trong những tháng mùa đông, nhiệt độ trung bình, cũng

như các biện pháp bảo vệ các hộ gia đình khỏi khó khăn. Nhiều nước đã áp trần giá năng lượng mà người tiêu thụ đầu cuối phải trả để kiềm chế lạm phát. Giá năng lượng cao là thách thức lớn với nền kinh tế eurozone năm nay. Nó khiến các hộ gia đình ít chi tiêu hơn cho hàng hóa và dịch vụ, đồng thời làm tăng chi phí cho doanh nghiệp, đặc biệt là các nhà máy dùng nhiều năng lượng.

Tuy nhiên, số liệu của Eurostat cũng cho biết kinh tế eurozone quý III vẫn tăng trưởng 2,1% so với cùng kỳ 2021. Nhưng tốc độ đang chậm dần. Nếu như kinh tế quý II tăng 0,8% so với quý I, thì kinh tế quý III chỉ tăng 0,2% so với quý II. Với việc sử dụng năng lượng dự kiến tăng lên khi thời tiết lạnh giá lan rộng, hầu hết nhà kinh tế đều dự báo nền kinh tế châu Âu sẽ thu hẹp lại trong quý IV và đầu năm sau. ECB sẽ cập nhật các dự báo GDP vào tháng 12, khi các nhà hoạch định chính sách sẽ phải quyết định xem có nên thúc đẩy một đợt tăng lãi suất lớn khác hay điều chỉnh tốc độ thắt chặt tiền tệ.

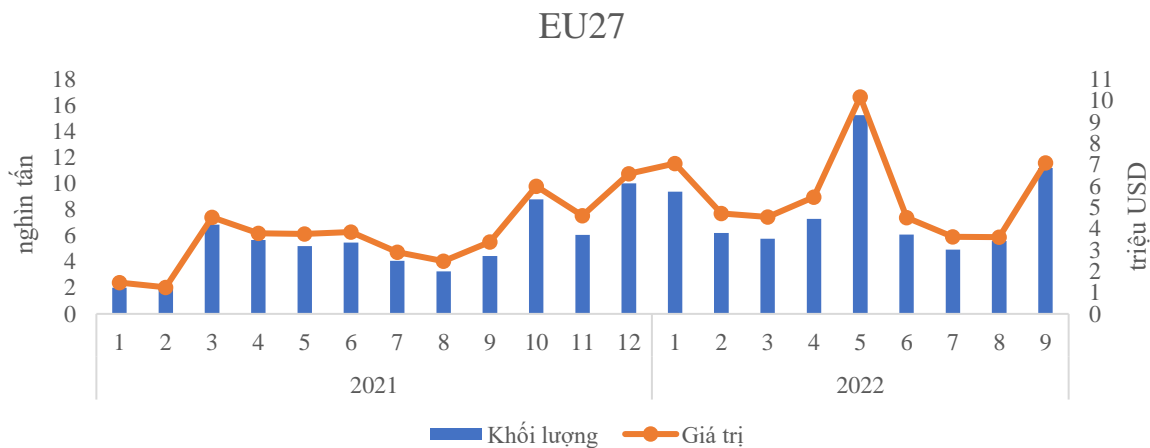
Về thương mại NLTS của EU với Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2022, Việt Nam đã xuất 3,5 tỷ USD sang EU, trong khi nhập khẩu 847,2 triệu USD, tăng 20,9% về xuất khẩu và 13,8% về nhập khẩu so với cùng kỳ năm 2021. Tốc độ tăng trưởng của các mặt hàng nông sản chính xuất khẩu sang EU so với năm 2021 cụ thể như sau: cà phê (tăng 46,7%), cao su (giảm 32,2%), chè (giảm 45,5%), gạo (tăng 85,6%), gỗ & sản phẩm gỗ (tăng 6,0%), hàng rau quả (tăng 18,8%), hàng thủy sản (tăng 40,6%), hạt điều (giảm 16,6%), hạt tiêu (tăng 7,3%), mây, tre, cói và thảm (tăng 2,4%), và sản phẩm từ cao su (giảm 25,2%).

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2022, Việt Nam xuất khẩu được 11,2 nghìn tấn gạo, trị giá 7,1 triệu USD sang thị trường EU, tăng 99,8% về khối lượng và 97,1% về giá trị so với tháng trước; tăng 151,9% về khối lượng và 109,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt 71,7 nghìn tấn, trị giá 50,8 triệu USD, tăng 84,5% về khối lượng và 85,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

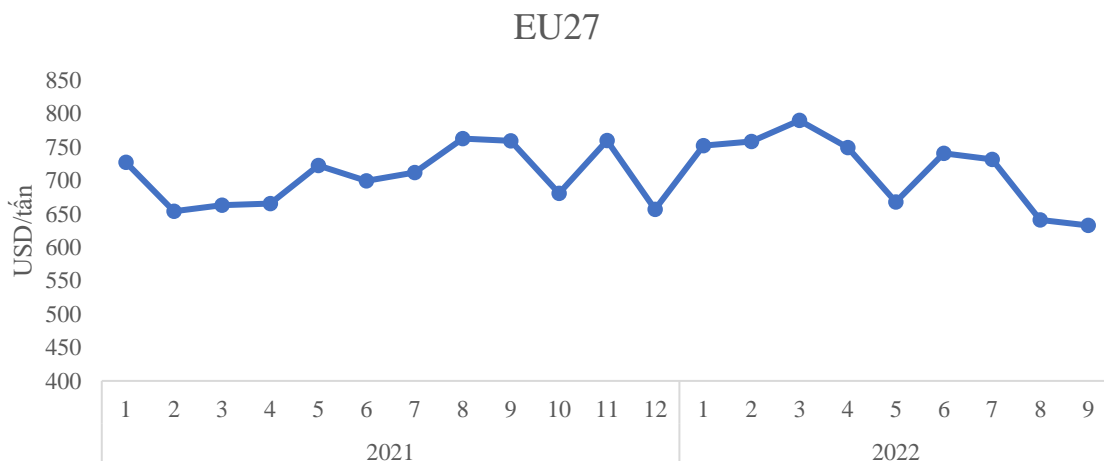
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 9/2022 đạt 632,7 USD/tấn, giảm 1,3% so với tháng trước và giảm 16,7% so với cùng kỳ năm 2021.

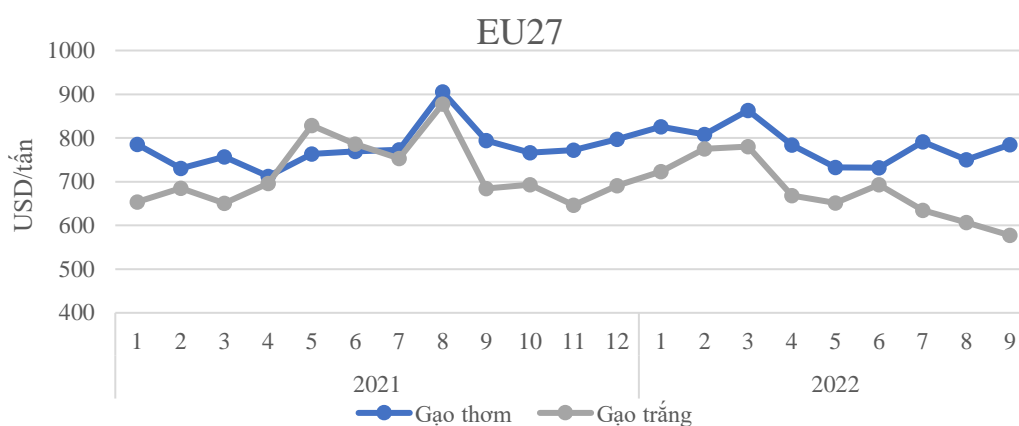
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 7,9 nghìn tấn, trị giá 4,8 triệu USD (chiếm 70,3% về khối lượng và 67,7% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã tăng rất nhiều lần so với mức 317 tấn trị giá 256,5 nghìn USD của cùng kỳ năm 2021. Giá gạo thơm tháng 9/2022 đạt trung bình 784,8 USD/tấn, tăng 4,6% so với tháng trước nhưng giảm 1,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

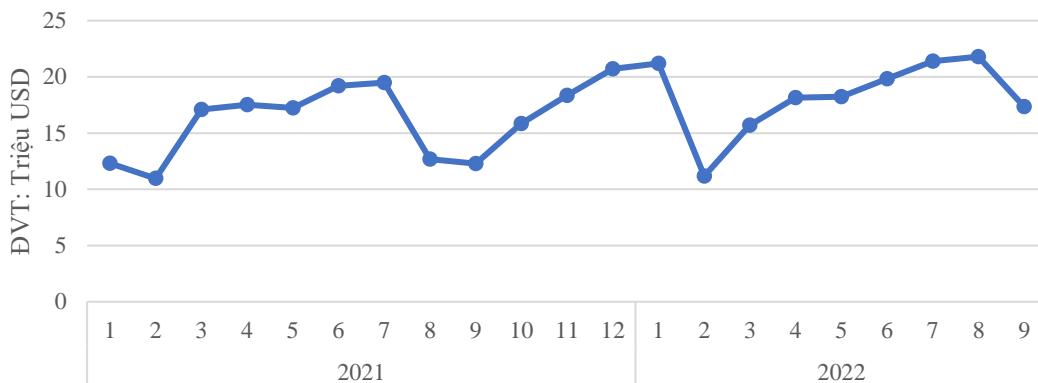
Trong niên vụ 2022/23, sản lượng táo của EU dự báo đạt 11,9 triệu tấn, tăng 2,9% so với niên vụ trước; sản lượng lê dự kiến đạt 1,99 triệu tấn (tăng 14%) và sản lượng nho dự báo đạt 1,57 triệu tấn (tăng 11,5%). Tuy nhiên, việc thiếu lao động thời vụ và giá năng lượng cao có thể khiến nông dân bỏ hoang một số vườn cây ăn trái.

Xuất khẩu rau quả tươi của Thổ Nhĩ Kỳ đạt 3,35 triệu tấn, trị giá 1,94 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2022. Thị trường xuất khẩu chính là Địa Trung Hải với 852,4 triệu USD, chiếm 44% thị phần; Nga đạt 656 triệu USD (chiếm 34%); Đức đạt 195,5 triệu USD; Romania đạt 143,1 triệu USD; v.v.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 9 năm 2022 đạt 17,3 triệu USD, chiếm 6,9% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 20,4% so với tháng trước và tăng 41,1% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 9 tháng đầu năm 2022,

giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 164,8 triệu USD, chiếm 6,7% thị phần, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU

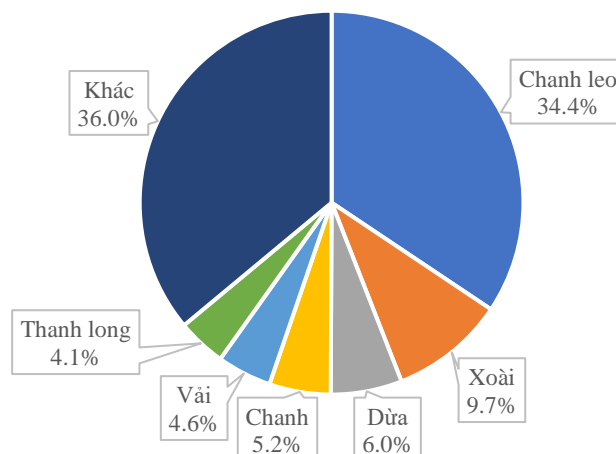


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 9 năm 2022 chủ yếu là trái cây (đạt 15,6 triệu USD, chiếm 90,0% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang EU), trong đó các loại trái cây chế biến chiếm 49,6% (so cùng kỳ 2021 là 27,5%), trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh, v.v.) chiếm 40,3% (cùng kỳ 2021 là 58,5%). Mặt hàng rau đạt 1,7 triệu USD (chiếm 10,0%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 7,9% (năm 2021 là 11,4%), rau chế biến chiếm 2,2% (năm 2021 là 2,6%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 9/2022 bao gồm: chanh leo đạt 5,96 triệu USD (chiếm 34,4% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 183,1% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 1,7 triệu USD (chiếm 9,7%), tăng 69,8%; dứa đạt 1,0 triệu USD (chiếm 6,0%), tăng 22,9%; chanh đạt 897,7 nghìn USD (chiếm 5,2%), giảm 1,8%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 9/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2022, rau quả chế biến đạt 8,98 triệu USD (chiếm 51,8% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 142,7% so với cùng kỳ 2021. Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 75,1% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm chế biến, tăng 303,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 19,2%, tăng 0,9%; v.v.

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 9 năm 2022 đạt 3,3 triệu USD, chiếm 1,6% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 59,4% so với cùng kỳ năm 2021. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 29,1 triệu USD, chiếm 2,0% thị phần, tăng 26,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 9/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: khoai tây đạt 1,6 triệu USD (chiếm 50,1% thị phần), tăng 80,8% so với cùng kỳ năm 2021; tỏi đạt 468,9 nghìn USD (chiếm 6,8%), tăng 14,4%; v.v.

3. CÀ PHÊ

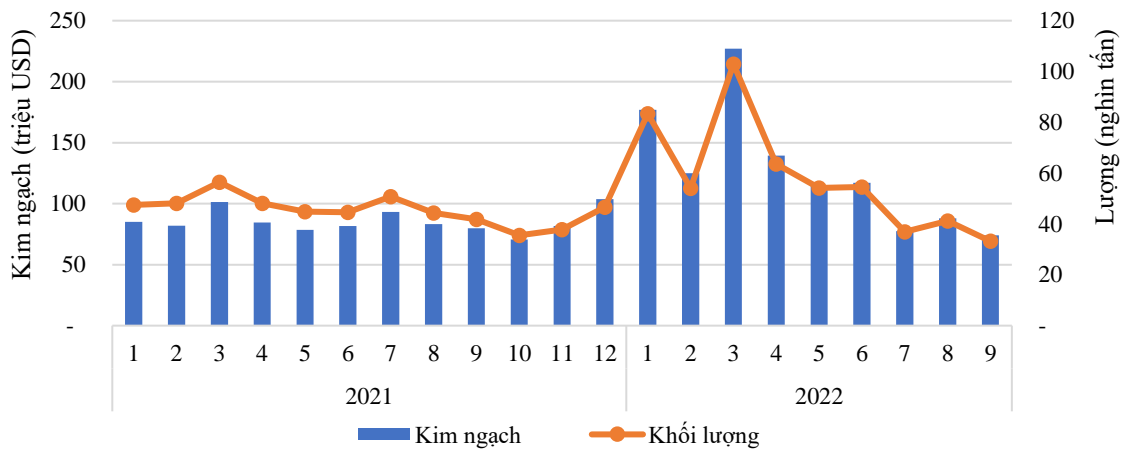
Một khảo sát trên thị trường Tây Ban Nha cho thấy 87% dân số độ tuổi từ 18 – 64 uống cà phê và 70% uống cà phê hàng ngày. Trung bình mỗi người uống 2,2 cốc/ngày và họ ưa thích thưởng thức cà phê tại nhà (61%), tiếp đó là tới các quán bar hoặc nhà hàng (26), và tại nơi làm việc (21%). Dữ liệu từ Tổng cục Hải quan Việt Nam cho thấy xuất khẩu cà phê Việt Nam sang Tây Ban Nha trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt 5.240 tấn, trị giá 13,1 triệu USD, giảm 14,4% về lượng và 7,1% về giá trị so với tháng 8/2022 nhưng tăng 11,5% về lượng và 37,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Xuất khẩu cà phê Việt Nam sang Tây Ban Nha trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt 71.700 tấn, trị giá 160,81 triệu USD, tăng 40,4% về lượng và 63,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá cà phê xuất khẩu trung bình trong 9 tháng đầu năm 2022 là 2.245 USD/tấn, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm 2021. Nhập khẩu cà phê của Tây Ban Nha từ các nước ngoài khối EU trong 7 tháng đầu năm 2022 là 165.730 tấn, trị giá 524,1 triệu USD, tăng 17,4% về lượng và 100,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Việt Nam là nước cung cấp cà phê lớn nhất cho thị trường này với kim ngạch 67.200 tấn. Đặc biệt, cà phê Việt Nam chiếm thị phần tới 30,14% tổng kim ngạch nhập khẩu cà phê của Tây Ban Nha trong 7 tháng đầu năm 2022.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU tháng 9/2022 ước đạt 33,2 nghìn tấn với trị giá 74,0 triệu USD, giảm 19,5% về lượng và 15,8% về giá trị

so với tháng trước, và giảm 20,6% về lượng và 7,2% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

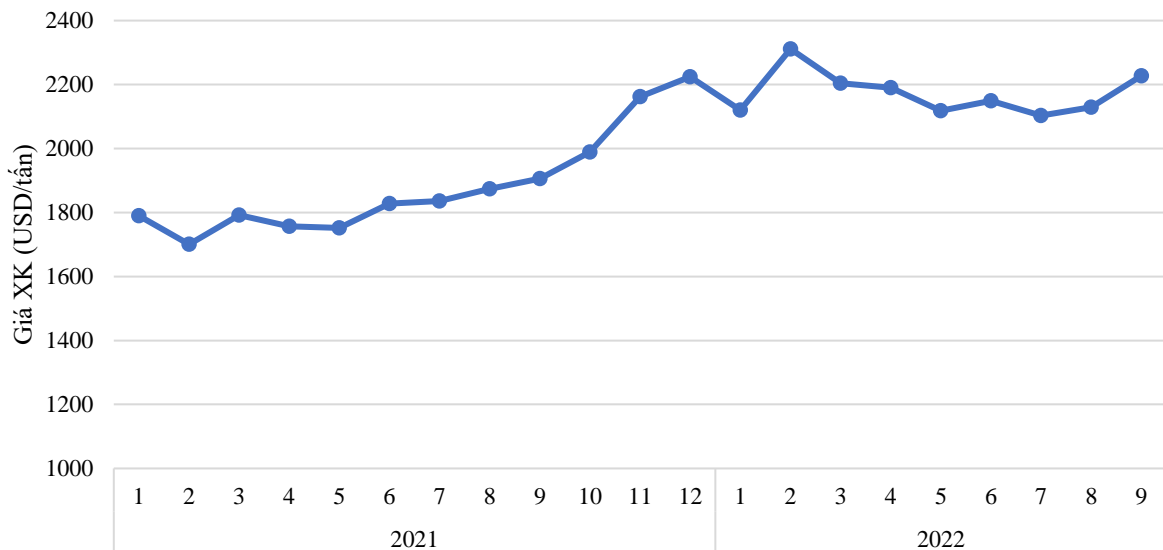
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 9/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU đạt 2.227 USD/tấn, tăng 4,6% so với tháng trước và tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước.

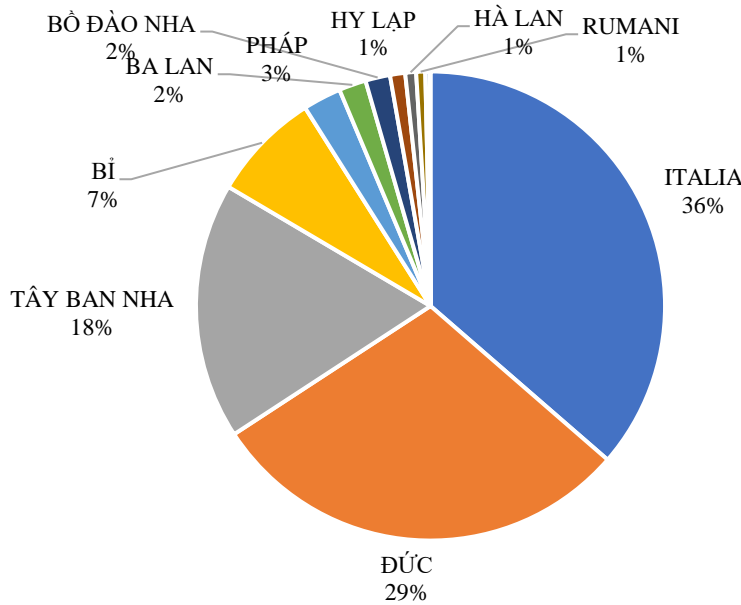
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2022, Italia là quốc gia nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam với 26,9 triệu USD, chiếm 36,4% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU. Đức là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 21,8 triệu USD, chiếm 29,4%. Tiếp theo là Tây Ban Nha, Bỉ và Pháp chiếm lần lượt 17,7%, 7,5% và 2,6% trong tổng kim ngạch cà phê xuất khẩu sang thị trường EU.

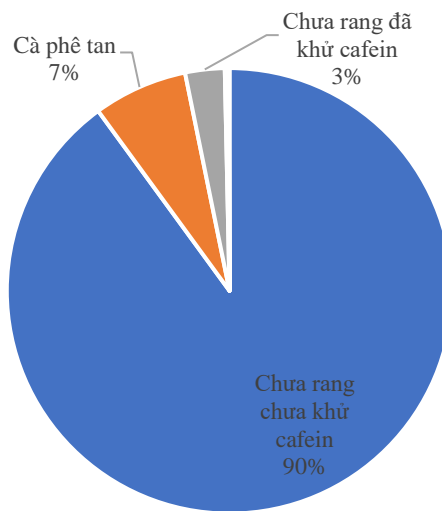
Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê Việt Nam sang các nước EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 68,5 triệu USD, chiếm 90,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 5,2 triệu USD, chiếm 6,8% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê chưa rang đã khử caffein chiếm 2,9% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

Hình 9: Chứng loại cà phê xuất khẩu sang EU theo kim ngạch tháng 9/2022

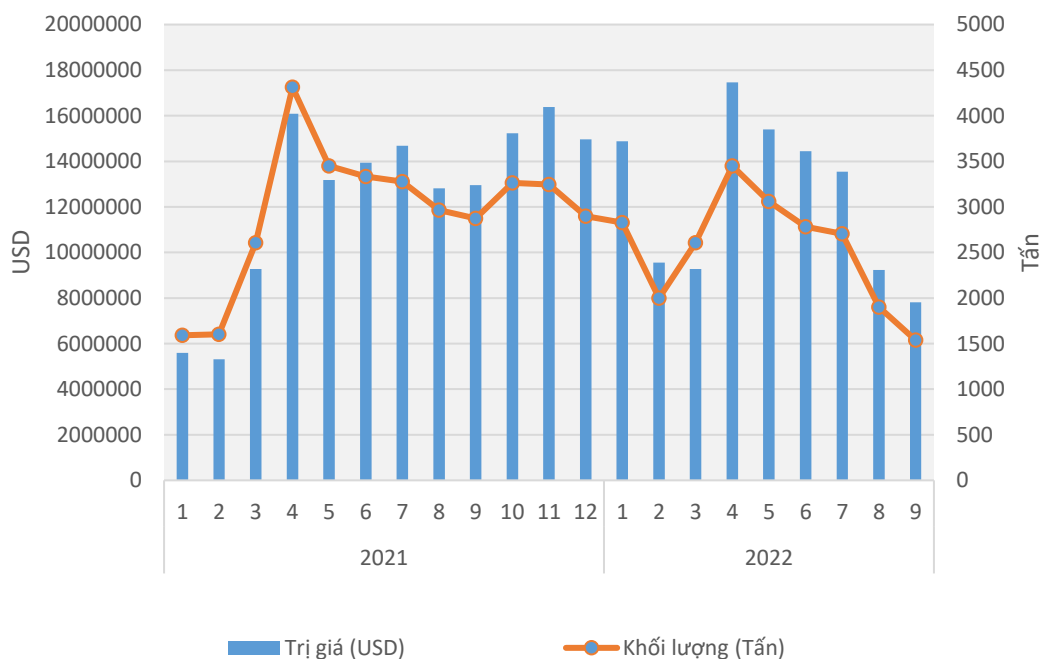


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang EU trong tháng 9/2022 đạt 1.538 tấn, với trị giá 7,82 triệu USD, giảm 19,1% về khối lượng và 15,3% về giá trị so với tháng trước và giảm 46,49% về khối lượng và giảm 39,67% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

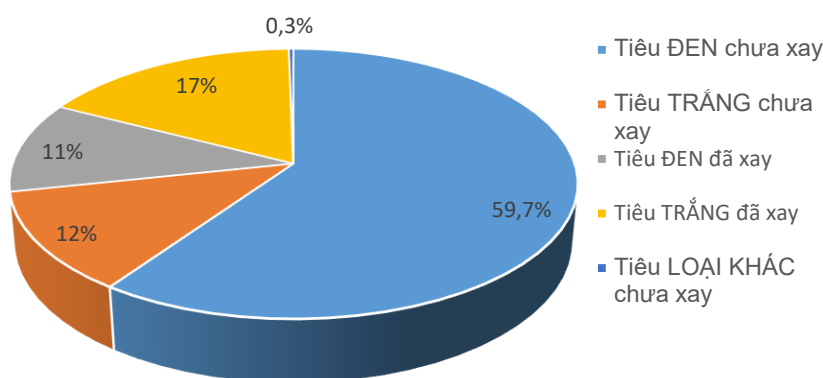
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 59,7% tổng giá trị xuất khẩu tiêu vào EU, giảm 12,5% so với tháng trước và giảm 15,99% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng đã xay, chiếm 17% tổng giá trị xuất khẩu vào thị trường này, giảm 39,75% so với tháng trước và 60,31% so với cùng kỳ năm 2021. Tiếp theo là tiêu trắng chưa xay và tiêu đen đã xay chiếm lần lượt 12% và 17%. Cuối cùng là tiêu loại khác chưa xay chiếm giá trị rất nhỏ 0,3%.

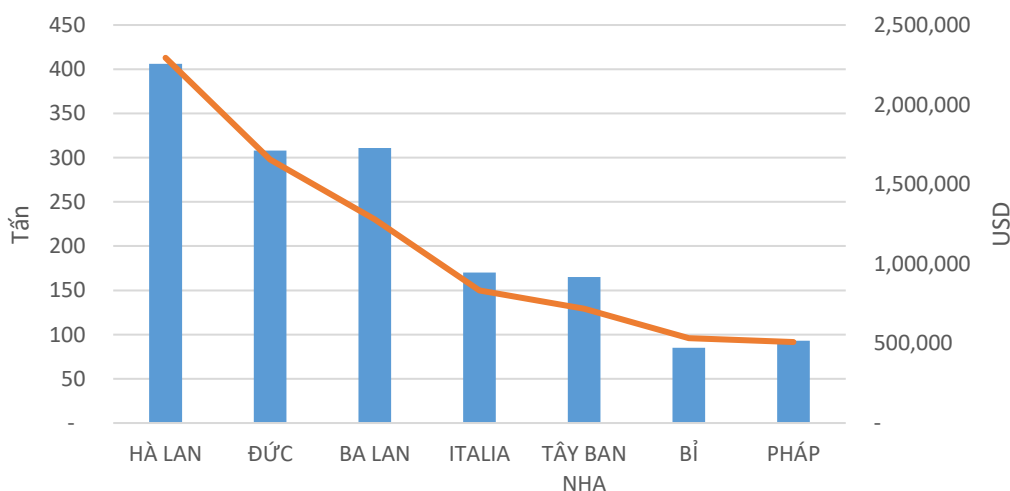
Hình 11: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường EU tháng 9/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hà Lan là quốc gia dẫn đầu trong khối EU về khối lượng và kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam trong tháng 9/2022 với 406 tấn, đạt trị giá trị 2,3 triệu USD (chiếm 29% tổng kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU). Xếp thứ hai là Đức với khối lượng xuất khẩu đạt 308 tấn, tương đương với 1,65 triệu USD, chiếm 21,2% về giá trị. Tiếp theo là Ba Lan với khối lượng 311 tấn, tương đương với 1,28 triệu USD, chiếm 16,3%. Đứng thứ 4, 5, 6 là Italia, Tây Ban Nha và Bỉ với lần lượt 170 tấn, 165 tấn, 85 tấn đạt giá trị lần lượt là 831,6 nghìn USD, 717,1 nghìn USD và 533,5 nghìn USD. Xếp cuối cùng là Pháp với khối lượng xuất khẩu đạt 93 tấn, trị giá 508,7 nghìn USD.

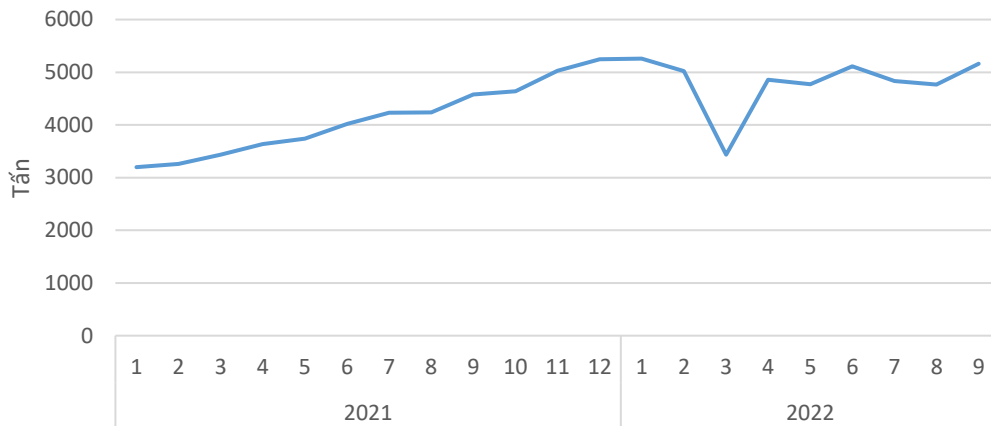
Hình 12: Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam tới các nước trong khối EU tháng 9/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đơn giá xuất khẩu hồ tiêu vào EU đang có xu hướng tăng trở lại, giá xuất khẩu trung bình tháng 9/2022 đạt mức 5.159 USD/tấn, tăng 8,3% so với tháng trước và 12,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 13: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU

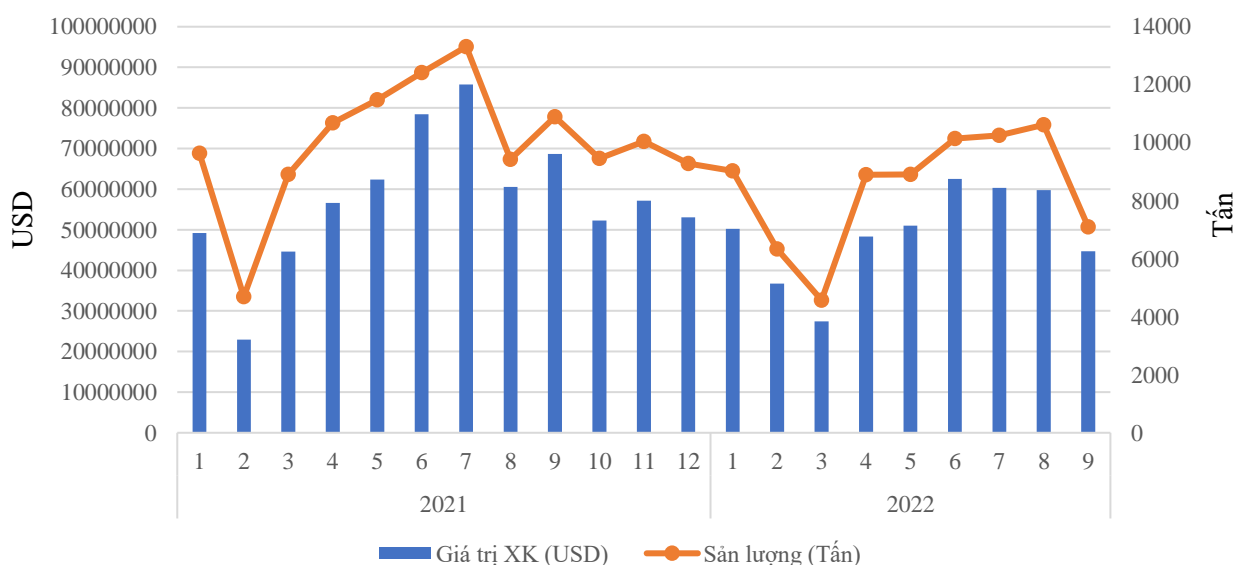


Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2022, Xuất khẩu điều của Việt Nam sang EU đạt 7,1 nghìn tấn điều, trị giá 44,68 triệu USD, giảm 34,8% về giá trị và giảm 33,1% về khối lượng so với tháng trước, giảm 34,9% về giá trị và giảm 18,3% về khối lượng so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu hạt điều sang thị trường này chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 98,59%, đạt 52,7 triệu USD, giảm 22,9% so với tháng trước và 31,5% so cùng kỳ năm 2021. Giá trị xuất khẩu hạt điều rang tháng này chỉ chiếm 1,28%, đạt 0,7 triệu USD, giảm 32,8% so với tháng trước và giảm 20,5% so với cùng kỳ năm trước.

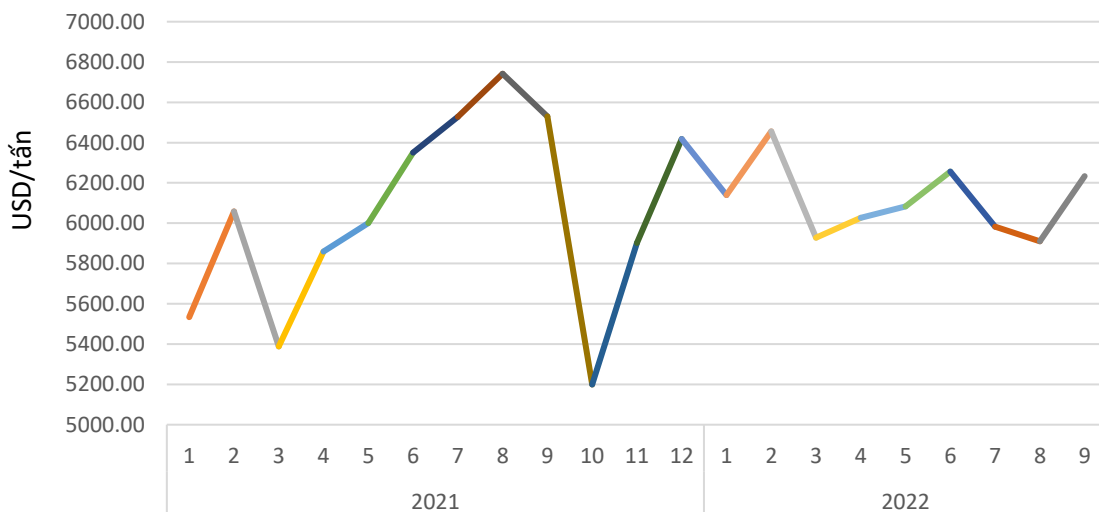
Hình 15: Cơ cấu xuất khẩu sản phẩm điều sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 9/2022, giá xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 6.323 USD/tấn, tăng 5,5% so với tháng trước và giảm 4,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 9/2022 đạt trung bình là 6,3 USD/kg, tăng 6,4% so với tháng trước và giảm 83,4% so với cùng kỳ năm 2021. Đối với hạt điều rang đạt trung bình đạt 9,4 USD/kg, tăng 10,5% so với tháng trước nhưng giảm 1,9% so với cùng kỳ năm 2021.

6. THỦY SẢN

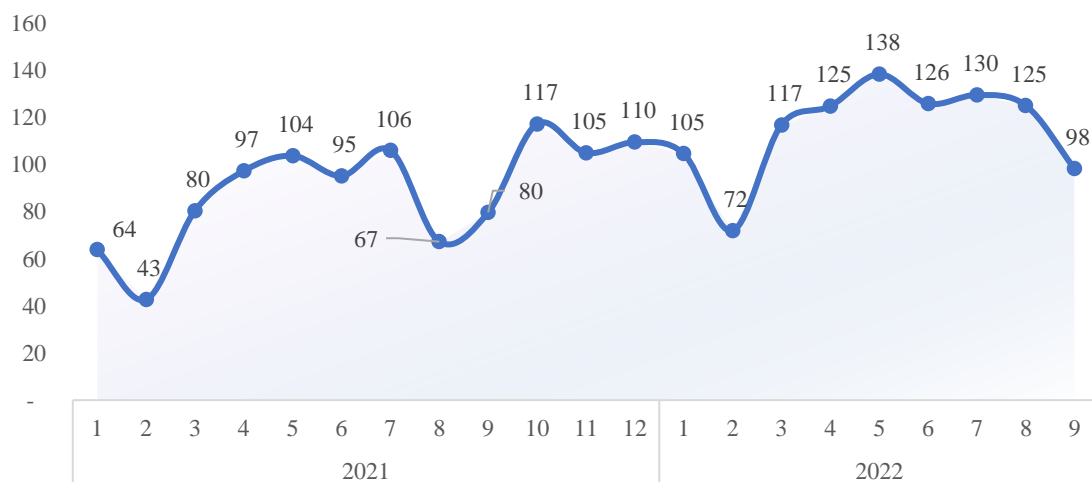
Theo Nghiên cứu Finfish 2022 của Hiệp hội thương mại và chế biến thủy sản EU (AIPCE-CEP), tiêu thụ cá ở EU đang giảm do châu lục này ngày càng phụ thuộc vào nhập khẩu. Theo đó, tiêu thụ cá ở 27 nước thành viên EU dự kiến giảm xuống dưới 10 triệu tấn trong năm 2022 do cuộc xung đột Nga – U-crai-na khiến giá nhiên liệu ở EU tăng cao, gây áp lực lên sản xuất. Hiệp hội dự báo tiêu thụ cá của EU năm 2022 đạt 9,42 triệu tấn, giảm 7% so với năm 2021, sau khi giảm 4% vào năm 2021 và khả năng tự cung tự cấp cá của EU sẽ giảm xuống 33% năm 2022. , EU ngày càng phụ thuộc vào nhập khẩu thủy sản, sau khi Anh rời khỏi khối. Khả năng tự khai thác đối với cá tự nhiên và nuôi giảm xuống mức thấp kỷ lục vào năm 2021 và được dự báo giảm tiếp trong năm 2022.

Từ ngày 19-28/10 tới, Đoàn kiểm tra của Ủy ban châu âu (EC) sẽ sang kiểm tra thực tế tình hình khắc phục cảnh báo “thẻ vàng” về khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) tại Việt Nam. Trong 5 năm qua, Việt Nam đã nỗ lực hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, ví dụ Luật Thủy sản 2017 được xây dựng, hoàn thiện trong thời gian rất ngắn. Có thể nói, đến thời điểm này, các văn bản quy phạm pháp luật đã tương đối hoàn thiện trên cơ sở tham vấn của EC. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các khuyến nghị của EC để có thể gỡ “thẻ vàng” IUU, còn một số vấn đề lớn như việc quản lý đội tàu, ghi chép nhật ký khai thác, xử lý các vi phạm hành chính và việc tình trạng tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài.

Theo Tổng cục Hải quan, tính hết 9 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 1,03 tỷ USD, tăng 40,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 9/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 98,3triệu USD, tăng 23,3% so cùng kỳ năm 2021, và giảm 21,5% so với tháng 8/2022. Tôm và cá ngừ là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này. Giá trị xuất khẩu sản phẩm tôm chiếm 49,6% và cá ngừ 17,2 chiếm 13,4%.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU tháng 9/2022

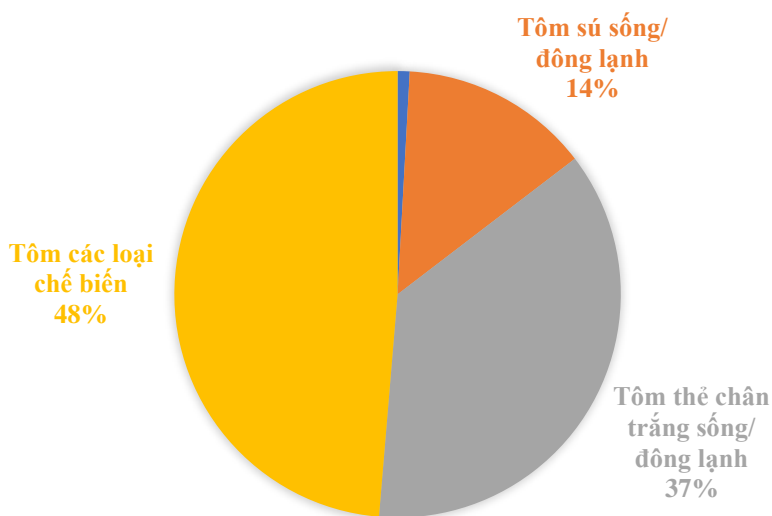
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 9/2022 đạt 48,7 triệu USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2021, và giảm 21,9% so với tháng 8/2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 17,9 triệu USD, giảm 30,6% so với cùng kỳ năm trước; tôm sú sống/đông lạnh đạt 6,7 triệu USD, giảm 30,6%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,4 triệu USD, tăng 52,1%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 6,7 triệu USD, tăng 0,7%.

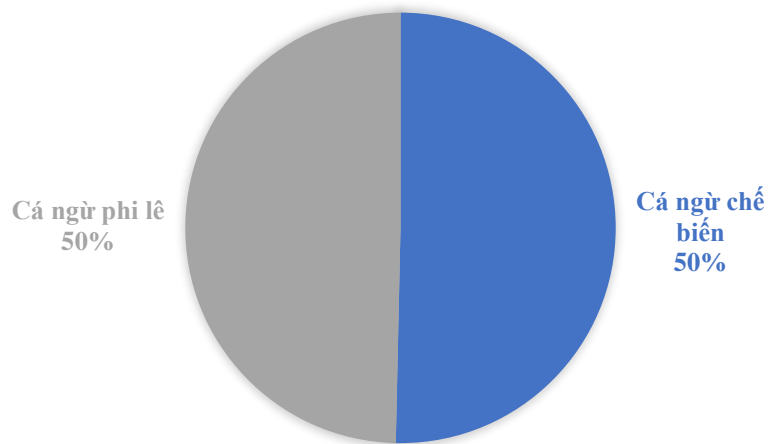
Hình 18: Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường EU tháng 9/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 9/2022, giá trị xuất khẩu sản phẩm cá ngừ có xu hướng tăng mạnh đạt 16,9 triệu USD, tăng 61,1% so với cùng kỳ năm trước và 30,3% so với tháng 8/2022. Trong đó, cá ngừ phi lê đạt 8,4 triệu USD, tăng 122% so với tháng 9/2021; cá ngừ chế biến đạt 8,5 triệu USD, tăng 52,1%.

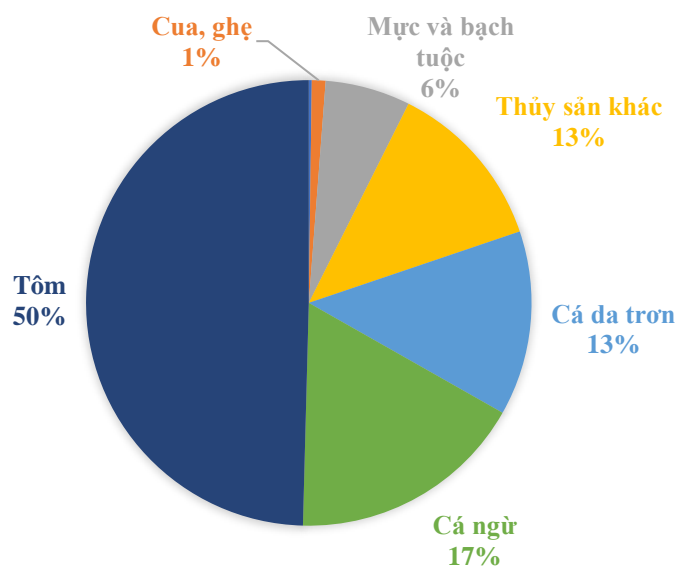
Hình 19: Cơ cấu sản phẩm cá ngừ xuất khẩu sang thị trường EU tháng 9/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản khác sang thị trường EU tháng 9/2022 như sau: cá da trơn đạt 13,2 triệu USD, chiếm 13,4% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này, tăng 211,8% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc 6,1 triệu USD, chiếm 6,2%, tăng 77,5%; cá rô phi đạt 0,42 triệu USD, chiếm 0,2%, tăng 61,1%; và thủy sản khác đạt 12,2 triệu USD, chiếm 12,4%, tăng 0,1%.

Hình 20: Cơ cấu một số sản phẩm thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường EU tháng 9/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong tháng 9/2022 như sau: Tôm đạt 10,4 USD/kg, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2021; Cá da trơn đạt 2,9 USD/kg, tăng 29,3%.

Bảng 1: Giá xuất khẩu một số loại thủy sản sang thị trường EU tháng 9/2022

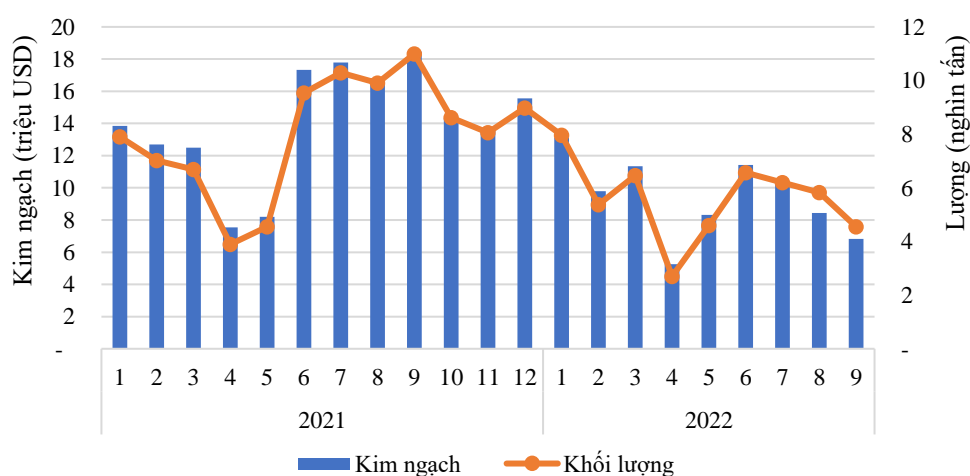
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,9	29,3%	-0,2%
2	Cá ngừ	8,9	-3,4%	0,2%
3	Cá rô phi	3,3	61,0%	32,2%
4	Cua, gẹ	7,0	135,9%	24,7%
5	Mực và bạch tuộc	7,9	28,2%	13,9%
6	Tôm	10,4	10,9%	12,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

7. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 09/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường EU ước đạt 4,55 nghìn tấn với trị giá 6,8 triệu USD, giảm 21,9% về khối lượng và 19% về giá trị so với tháng trước; giảm 58,6% về khối lượng và 63% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

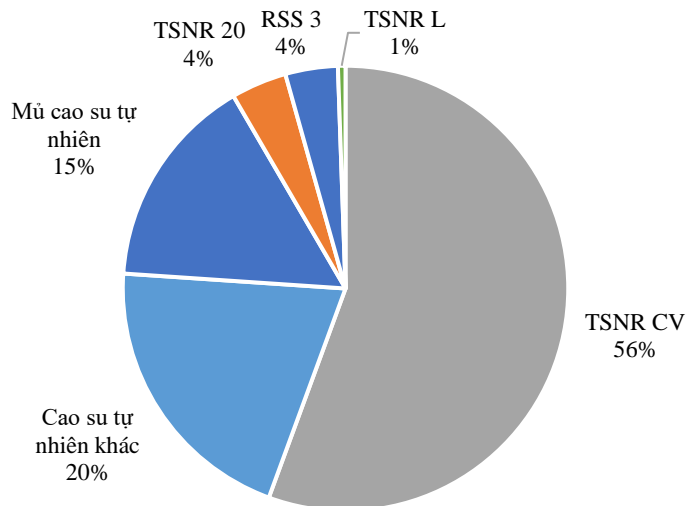
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 09/2022, TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 4,12 triệu USD, chiếm 56% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 1,15 triệu USD, chiếm 15% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 20 và RSS 3 chiếm lần lượt 4% và 4% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là TSNR L chiếm 1% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

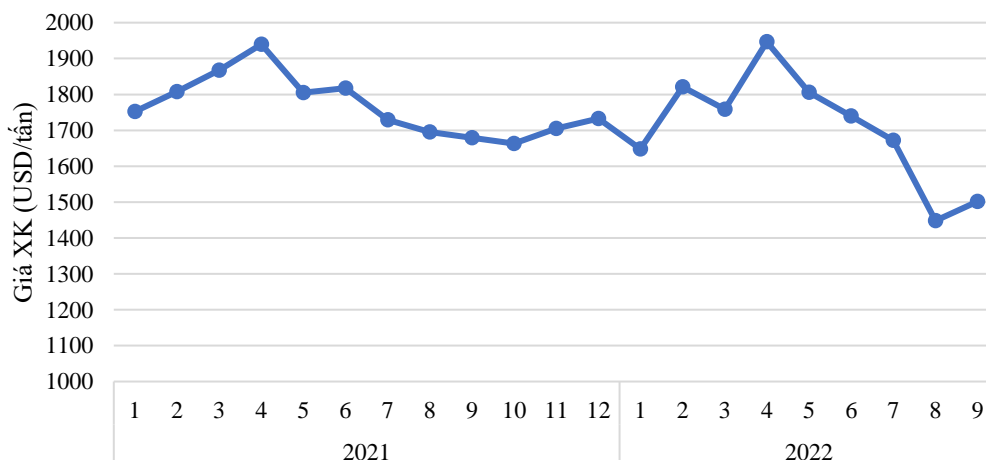
Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 09/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường EU đạt mức 1.502 USD/tấn trong tháng 09/2022, tăng 3,7% so với tháng trước và giảm 10,6% so với cùng kỳ 2021.

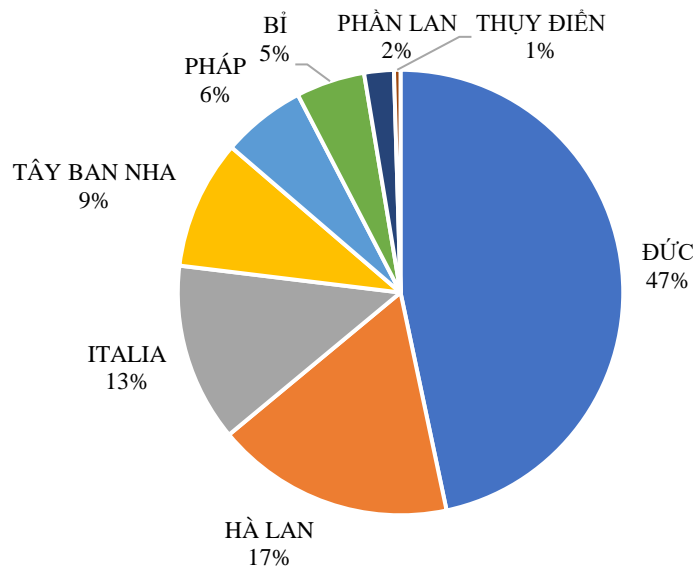
Hình 23: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 09/2022, Đức là quốc gia nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với 3,2 triệu USD, chiếm 47% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU. Hà Lan là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 1,2 triệu USD, chiếm 17%. Tiếp theo là Italia, Tây Ban Nha, Pháp, Bỉ, Thụy Điển và Phần Lan chiếm lần lượt 13%, 9%, 6%, 5% và 2% trong tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

Hình 24: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Xuất khẩu viên nén gỗ từ Việt Nam sang EU vẫn còn khiêm tốn do EU đòi hỏi truy xuất nguồn gốc nguyên liệu rất nghiêm ngặt để đảm bảo gỗ hợp pháp và chứng chỉ quản lý rừng bền vững (chủ yếu là FSC).

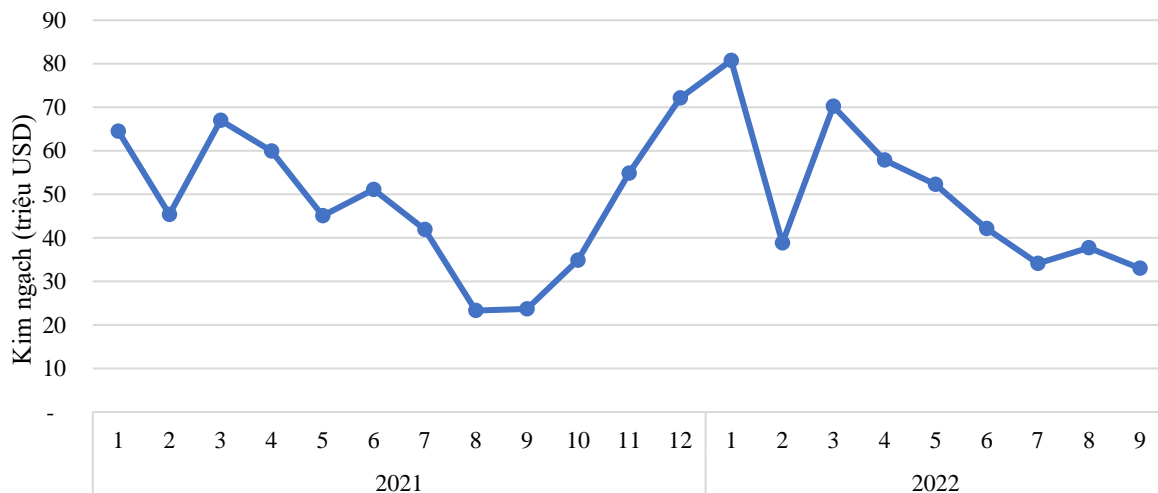
Ngành lâm nghiệp Việt Nam đang đẩy mạnh việc áp dụng hệ thống chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCS), nhưng thị trường EU lại ưu tiên chứng chỉ rừng FSC. Nước ta hiện mới chỉ có trên 250.000 ha rừng có chứng chỉ FSC. Để các khu rừng được cấp chứng chỉ FSC sẽ mất nhiều thời gian và nguồn lực

Tiêu chuẩn của EU hiện cao hơn hàng xuất khẩu đi Nhật Bản và Hàn Quốc. Ví dụ như độ tro, xuất khẩu đi thị trường Nhật Bản họ yêu cầu 3% nhưng tại thị trường EU yêu cầu dưới 1%. Điều này đồng nghĩa nguyên liệu đầu vào phải rất sạch, vỏ cây phải bị loại bỏ. Doanh nghiệp có thể chỉ mất một số năm để tìm kiếm nguồn nguyên liệu có chứng chỉ. Tuy nhiên, hiện chưa có doanh nghiệp nào đáp ứng được

yêu cầu độ tro dưới 1%. Theo một số doanh nghiệp, đây là một thách thức rất lớn, đòi hỏi phải đầu tư nhiều tiền bạc để cải thiện thiết bị và công nghệ.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 9/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU ước đạt 33,0 triệu USD, giảm 12,5% so với tháng trước và tăng 39,4% so với cùng kỳ 2021.

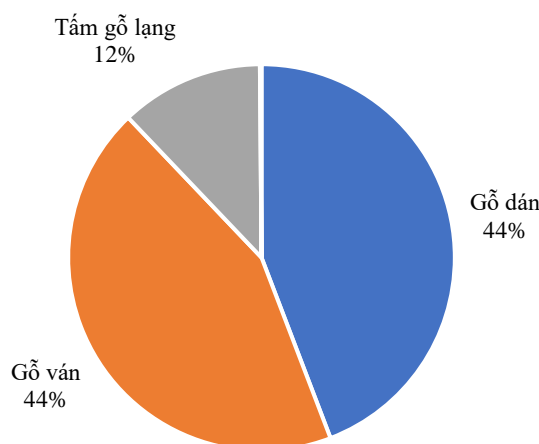
Hình 25: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 09/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 635,7 nghìn USD, chiếm 44,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ ván với kim ngạch 628,6 nghìn USD, chiếm 43,7% tổng giá trị xuất khẩu.

Hình 26: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 09/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Lúa gạo

EU đang ngày càng quan tâm đến vấn đề giảm phát thải khí nhà kính trong nông nghiệp hơn, đặc biệt là ngành lúa gạo. Thực tế, nhiều cánh đồng ở Tây Ban Nha được trồng trong điều kiện ngập nước, đây là nguồn phát thải lớn trong nông nghiệp nước này nói riêng cũng như EU nói chung. Gần đây, tỉnh Seville của Tây Ban Nha đã thực hiện dự án về mô hình Ngập khô xen kẽ, qua đó đo được việc áp dụng mô hình này đã giúp làm giảm phát thải khí nhà kính lên tới 63% so với các cánh đồng ngập nước hiện tại. Kết quả dự án sẽ là nền tảng để Tây Ban Nha cũng như EU mở rộng hơn nữa mô hình này trong thời gian tới.

2. Rau quả

Theo đại diện Hiệp hội Rau quả Việt Nam, trái cây tươi, chất lượng tốt luôn có giá trị xuất khẩu cao nhưng công nghệ thu hoạch, bảo quản, vận chuyển của Việt Nam còn hạn chế khiến nhiều loại sản phẩm khi đến các thị trường xa như châu Âu, Mỹ không còn tươi ngon, rất khó bán. Chính vì vậy, phát triển công nghệ chế biến không chỉ là phát triển dây chuyền sấy, ép nước... mà còn phải đầu tư cho công nghệ xử lý, bảo quản sau thu hoạch và phát triển logistics phục vụ vận chuyển rau quả.

3. Cà phê

Theo Văn phòng Thương mại Việt Nam tại Tây Ban Nha, xuất khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường này còn có dư địa dồi dào do phân khúc cà phê của Tây Ban Nha dự báo tăng trưởng 6,84% trong giai đoạn 2022 – 2025.

4. Hồ tiêu

Theo VPA, Pháp là một trong những thị trường tiềm năng trong khối EU, tuy nhiên xuất khẩu hồ tiêu sang Pháp trong 9 tháng đầu năm giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2021. Đà giảm trên diễn ra trong bối cảnh EU là một trong những khu vực chính bị ảnh hưởng lạm phát kinh tế thế giới thời gian qua. Tuy nhiên, VPA đánh giá, khi khủng hoảng kinh tế lắng xuống, thị trường Pháp vẫn sẽ tiếp tục là một trong những thị trường xuất khẩu quan trọng của doanh nghiệp hồ tiêu Việt Nam.

5. Hạt điều

Theo hiệp hội điều Việt Nam (Vinacas), Dự báo cho đến cuối năm 2022, xuất khẩu điều khó khởi sắc bởi tình hình kinh tế - chính trị ở EU ngày càng phức tạp.

Điều này khiến các doanh nghiệp lớn đình trệ sản xuất, nhà máy vừa và nhỏ đã phải đóng cửa vì thiếu đơn hàng.

6. Thủy sản

Tiêu thụ của EU được dự báo là 9,42 triệu tấn [tính theo trọng lượng sống] vào năm 2022, giảm 7% so với năm ngoái, theo báo cáo hàng năm về cá của Hiệp hội Thương nhân và Chế biến Cá EU (AIPCE-CEP). Dự báo, tiêu dùng thủy sản tại thị trường EU vẫn tiếp tục chững lại và khó khăn hơn trong những tháng cuối năm. Nguyên nhân, ảnh hưởng của lạm phát và những tháng cuối năm, giá cả hàng hoá và sinh hoạt đều tăng, do vậy người tiêu dùng phải cân nhắc và thắt chặt chi tiêu.

7. Gỗ và SP từ gỗ

Xu hướng thương mại xanh, kinh tế xanh tăng trưởng ngày càng áp đảo trên phạm vi toàn cầu. Nhu cầu viên nén gỗ - là nhiên liệu sinh khối, có khả năng tái tạo, được coi là "năng lượng sạch" - ngày càng tăng. Chứng chỉ quản lý rừng bền vững, bao gồm FSC, PEFC, CFCS... là điều kiện bắt buộc.

Trong tương lai các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu viên nén gỗ cần quan tâm tới việc tạo ra vùng nguyên liệu của mình nhằm ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào. Tạo vùng nguyên liệu có thể thông qua hình thức các doanh nghiệp liên kết với các hộ dân, các doanh nghiệp cũng có thể tìm kiếm cơ hội liên kết hợp tác với các công ty lâm nghiệp có quỹ đất sản xuất để phát triển vùng nguyên liệu.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 9/2022

STT	Sản phẩm	Tháng 9/2022 (USD)	Tăng/giảm so tháng trước	Tăng/giảm so cùng kỳ năm 2021	Tỷ trọng
1	Cà phê	76.109.995	-13,4%	-6,3%	24,6%
2	Cao su	6.832.237	-19,0%	-63,0%	2,2%
3	Chè	51.848	-71,3%	-40,8%	0,02%
4	Gạo	7.086.266	97,1%	109,8%	2,3%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	33.041.857	-12,5%	39,4%	10,7%
6	Hàng rau quả	17.340.220	-20,4%	41,1%	5,6%
7	Hàng thủy sản	98.313.663	-21,5%	23,3%	31,7%
8	Hạt điều	44.677.613	-25,2%	-34,9%	14,4%
9	Hạt tiêu	7.817.622	-15,3%	-39,7%	2,5%
10	Sản phẩm mây tre đan	11.702.061	0,5%	-6,0%	3,8%
11	Sản phẩm từ cao su	6.744.807	-34,5%	16,3%	2,2%
Tổng 11 mặt hàng chính		309.718.189	-17,6%	-2,8%	100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 9/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 9/2021		Tháng 9/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	317	256.458	7.869	4.798.901	2386,0%	1771,2%
2	Gạo Japonica	3.559	2.720.186	2.526	1.751.944	-29,0%	-35,6%
3	Các loại gạo khác	572	400.956	805	535.422	40,9%	33,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 9/2022

TT	Sản phẩm	Tháng 9/2021	Tháng 9/2022	So sánh
		(USD)	(USD)	T9.2022/T9.2021
	Tổng giá trị XK	12.292.894	17.340.220	41,1%
1	Chanh leo	2.105.769	5.962.436	183,1%
2	Xoài	987.811	1.677.678	69,8%
3	Dừa	848.419	1.042.498	22,9%
4	Chanh	914.376	897.679	-1,8%
5	Vải	422.016	798.067	89,1%
6	Thanh long	1.170.938	713.302	-39,1%
7	Khác	5.843.565	6.248.560	6,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 9/2022

Loại sản phẩm	Tháng 9/2022	Tháng 9/2021	So sánh
	(USD)	(USD)	2022/21 (%)
Cá da trơn	13.177.387,2	4.226.454,7	211,8%
Cá ngừ	16.921.469,9	10.504.059,3	61,1%
Cá rô phi	211.259,4	261.370,7	-19,2%
Cua, ghe	979.572,3	398.055,8	146,1%
Mực và bạch tuộc	6.077.851,7	3.424.055,4	77,5%
Tôm	48.743.708,7	48.719.946,4	0,0%
Thủy sản khác	12.202.413,2	12.205.813,1	0,0%
Tổng	98.313.662,5	79.739.755,3	23,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cà phê sang thị trường EU tháng 9/2022

Mặt hàng	Tháng 9/2021 (USD)	Tháng 9/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	73.641.908	68.469.171	-7,02%
Cà phê tan	3.593.900	5.202.646	44,76%
Chưa rang đã khử cafein	3.692.158	2.181.291	-40,92%
Khác	76.763	153.076	99,41%
Đã rang đã khử cafein	160.473	42.093	-73,77%
Đã rang chưa khử cafein	72.313	61.718	-14,65%
Tổng	81.237.516	76.109.995	-6,31%

Nguồn: Tổng cục Hải quan